

Phục hưng và tái thiết Phật giáo Trung Quốc trong bối cảnh hiện đại

ISSN: 2734-9195 10:10 04/09/2026

Cần lấy văn hóa truyền thống làm nền tảng, để nhiều hệ thống văn hóa cùng tranh biện, bổ sung và hỗ trợ lẫn nhau; đồng thời để Phật pháp phát huy vai trò của một nguồn trí tuệ có khả năng định hướng và khai mở.

Vào khoảng thời Lưỡng Hán, sau khi đức Phật nhập diệt hơn 1.000 năm, giáo lý đạo Phật với tinh thần từ bi, trí tuệ, dũng lực, tự do và bình đẳng đã lan tỏa đến Trung thổ. Trải qua gần 2.000 năm lưu truyền và phát triển, suối nguồn từ bi đã thấm sâu vào mảnh đất văn hóa màu mỡ, làm tươi mát cuộc sống của người dân, trí tuệ Phật pháp lan tỏa khắp đất nước Trung Hoa, tinh thần hùng lực, tự do, bình đẳng trở thành một bộ phận quan trọng của văn hóa truyền thống Trung Quốc.

Từ Trung Quốc, Phật giáo tiếp tục được truyền bá sang Triều Tiên, Việt Nam, Nhật Bản và nhiều khu vực khác, bao phủ một không gian rộng lớn ở Đông Bắc á.

Từ thế kỷ VIII, Phật giáo Ấn Độ và **Phật giáo Hán truyền** lần lượt được truyền vào Tây Tạng, dần hình thành nên hệ thống Phật giáo Tạng truyền. Lấy Tây Tạng làm trung tâm, hệ thống Phật giáo này tiếp tục lan truyền sang Mông Cổ, Nga, Bhutan, Nepal và một số khu vực lân cận. Tại Vân Nam - Trung Quốc, Phật giáo Nam truyền cũng được truyền bá và phát triển.

Trung Quốc là quốc gia có sự hiện diện tương đối đầy đủ của cả ba truyền thống Phật giáo lớn, đồng thời là một trung tâm quan trọng của hai truyền thống Đại thừa lớn: Phật giáo Hán truyền và Phật giáo Tạng truyền. Có thể nói, Trung Quốc là một trong những quốc gia có truyền thống Phật giáo sâu rộng và đa dạng các dòng phái.

Phật giáo Hán truyền tại Trung Quốc đạt đến thời kỳ cực thịnh trong khoảng từ thế kỷ V đến thế kỷ IX. Từ sau thế kỷ XII, Phật giáo dần bước vào giai đoạn suy vi. Đến đầu thế kỷ XX, một phong trào phục hưng Phật giáo từng xuất hiện trong một thời gian. Tuy nhiên, sau đó, trước những biến động xã hội to lớn,

Phật giáo tại Trung Quốc đại lục chịu sự suy giảm nghiêm trọng; đặc biệt trong thời kỳ “*Cách mạng Văn hóa*”, sinh hoạt và cơ sở Phật giáo bị tổn thất và phá hủy trên quy mô rộng lớn.

Từ thập niên 1980, cùng với tiến trình cải cách và mở cửa, Phật giáo bắt đầu từng bước được khôi phục và tiếp tục phát triển cho đến ngày nay. Tuy nhiên, nền tảng tín ngưỡng quan trọng của Phật giáo, đặc biệt là quan niệm về luân hồi và nhân quả, đã chịu ảnh hưởng sâu sắc sau nhiều thập niên giáo dục theo khuynh hướng vô thần. Vì vậy, tỷ lệ người thực sự có niềm tin Phật giáo trong tổng dân số vẫn còn tương đối thấp.

So với tốc độ phát triển nhanh chóng của văn hóa và xã hội đương đại, Phật giáo Trung Quốc đại lục sau khi vượt qua những biến động lớn và từng bước phục hồi vẫn còn bộc lộ nhiều nét những dấu ấn cũ và sự chậm thích ứng. Quá trình chuyển đổi theo hướng hiện đại hóa chưa được thực hiện một cách triệt để. Mô hình sinh hoạt Phật giáo về cơ bản vẫn mang nhiều đặc điểm được hình thành từ thời Minh – Thanh: chịu sự quản lý chặt chẽ của nhà nước, lấy tự viện làm trung tâm và lấy Tăng sĩ làm lực lượng chủ đạo.

Trong xã hội, cũng như ngay trong một bộ phận tín đồ Phật giáo, vẫn còn tồn tại không ít sự hiểu lầm hoặc diễn giải sai lệch đối với tinh thần căn bản của đạo Phật. Do những nguyên nhân phức tạp liên quan đến tổ chức Tăng đoàn, điều kiện xã hội, phương thức truyền bá giáo pháp và nhiều yếu tố khác, giới Phật giáo Trung Quốc đại lục đương đại vẫn đang phải đối diện với tình trạng tư tưởng thiếu thống nhất, nhiều chương ngại và vấn đề nội tại.

Vì vậy, Phật giáo hiện nay vẫn chưa thể đáp ứng đầy đủ nhu cầu tinh thần ngày càng phong phú của xã hội và con người đối với giáo pháp của đức Phật.



Hình ảnh minh họa (sưu tầm).

1. Cơ hội phục hưng và sự cần thiết phải tái thiết

Mặc dù Phật giáo Trung Quốc hiện vẫn tồn tại nhiều những hạn chế và tệ trạng tích tụ lâu ngày, nhưng bối cảnh thời đại và nhu cầu tinh thần của con người lại đang mở ra cho Phật giáo một cơ hội hết sức thuận lợi để phục hưng. Bản thân truyền thống và nền tảng sẵn có của Phật giáo cũng chứa đựng nhiều ưu thế giúp Phật giáo có khả năng đứng vững, thậm chí phát huy ảnh hưởng mạnh mẽ trong bối cảnh một xã hội đa nguyên văn hóa.

Cùng với sự phát triển nhanh chóng của kinh tế, việc quá thiên trọng vào hiệu quả kinh tế, coi tiền bạc là thước đo cho mọi giá trị đã kéo theo hàng loạt hiện tượng như khuynh hướng chạy theo dục vọng vật chất, đời sống tinh thần nghèo nàn, chuẩn mực giá trị rối loạn, đạo đức suy thoái và hình ảnh xã hội và con người bị tổn hại.

Những vấn đề ấy đã thúc đẩy người dân cũng như giới cầm quyền nhìn lại những khiếm khuyết của đời sống văn hóa, từng bước nhận thức rõ hơn những bất cập do sự thiếu vắng niềm tin tôn giáo, đồng thời thừa nhận vai trò tích cực của tôn giáo đối với xã hội. Vì thế, nhu cầu tín ngưỡng và đời sống tâm linh của người dân ngày càng gia tăng.

Việc kế thừa và phát huy tinh hoa văn hóa truyền thống, chấn hưng tinh thần dân tộc và xây dựng nền văn hóa dân tộc đã được Nhà nước đề xướng và ngày càng coi trọng. Phong trào nghiên cứu và phục hưng Quốc học đang tiếp tục

phát triển mạnh mẽ; mà trong Quốc học, văn hóa Phật giáo đương nhiên là một bộ phận trọng yếu cần được kế thừa và phát huy.

Xét từ nội tại truyền thống, Phật giáo có nhiều ưu thế thuận lợi cho công cuộc phục hưng. Giáo nghĩa Phật giáo rộng lớn và sâu xa, pháp môn phong phú, có khả năng đáp ứng nhiều loại hình tâm lý tín ngưỡng khác nhau; đồng thời mang đậm tinh thần nhân văn và lý tính. Phật giáo cũng vốn có truyền thống tùy thời thích ứng, khế cơ mà biến đổi. Trải qua lịch sử lâu dài, Phật giáo đã trở thành một bộ phận không thể tách rời của văn hóa truyền thống Trung Hoa, có nền tảng sâu bền, ảnh hưởng rộng lớn và nguồn lực phong phú.

Những ưu thế về truyền thống và văn hóa của Phật giáo vượt xa nhiều tôn giáo khác, đồng thời cũng không phải một trào lưu tư tưởng mới hay một nền văn hóa ngoại nhập nào có thể dễ dàng đạt tới. Phong trào phục hưng Phật giáo từ thời cận đại đến nay đã thúc đẩy Phật giáo không ngừng thực hiện quá trình chuyển hóa theo hướng hiện đại. Phật giáo tại Hồng Kông và Đài Loan từ lâu đã phát triển theo đường hướng “*Phật giáo Nhân gian*”, tích lũy được nhiều kinh nghiệm hoằng pháp trong xã hội thương nghiệp hiện đại. Trong khi đó, Phật giáo tại Trung Quốc đại lục hơn ba mươi năm qua cũng từng bước được khôi phục ổn định và đã hình thành một quy mô đáng kể.

Thời đại, chúng sinh và đất nước đang kêu gọi sự phục hưng của Phật giáo. Trong thế kỷ XXI, với hòa bình, phát triển và sinh thái trở thành những chủ đề lớn của thời đại, **Phật giáo Trung Quốc** tất yếu sẽ đón nhận những cơ hội lịch sử thuận lợi để phát triển mạnh mẽ. Tuy nhiên, Phật giáo đồng thời cũng phải đối diện với những thách thức chưa từng có: sự phát triển cao độ của khoa học và văn hóa, những phương thức sống hoàn toàn mới, sự va chạm giữa các nền văn minh và sự cạnh tranh giữa các tôn giáo.

Mô hình hiện hành của Phật giáo chưa đủ khả năng thích ứng hoàn toàn với nhu cầu của xã hội và tâm lý con người đương đại, vì vậy cần phải tiếp tục được điều chỉnh và cải cách.

Sau khi khảo sát toàn diện lịch sử văn minh nhân loại, nhà sử học người Anh, Tiến sĩ Arnold J. Toynbee, từng dự đoán rằng nguồn sinh lực của xã hội tương lai vẫn sẽ đến từ tôn giáo. Ông cho rằng Phật giáo Đại thừa phương Đông là một trong những tôn giáo truyền thống có nhiều triển vọng nhất trong việc đáp ứng nhu cầu của nhân loại trong xã hội tương lai; tuy nhiên, để đảm nhiệm được vai trò ấy, Phật giáo cần phải “*thay đổi triệt để hình thái tồn tại của mình*”.

Học giả Phật giáo Nhật Bản Abe Masao, người từng nhiều năm giảng dạy tại Hoa Kỳ, cũng cho rằng cả Phật giáo lẫn Kitô giáo hiện vẫn còn mang những đặc tính

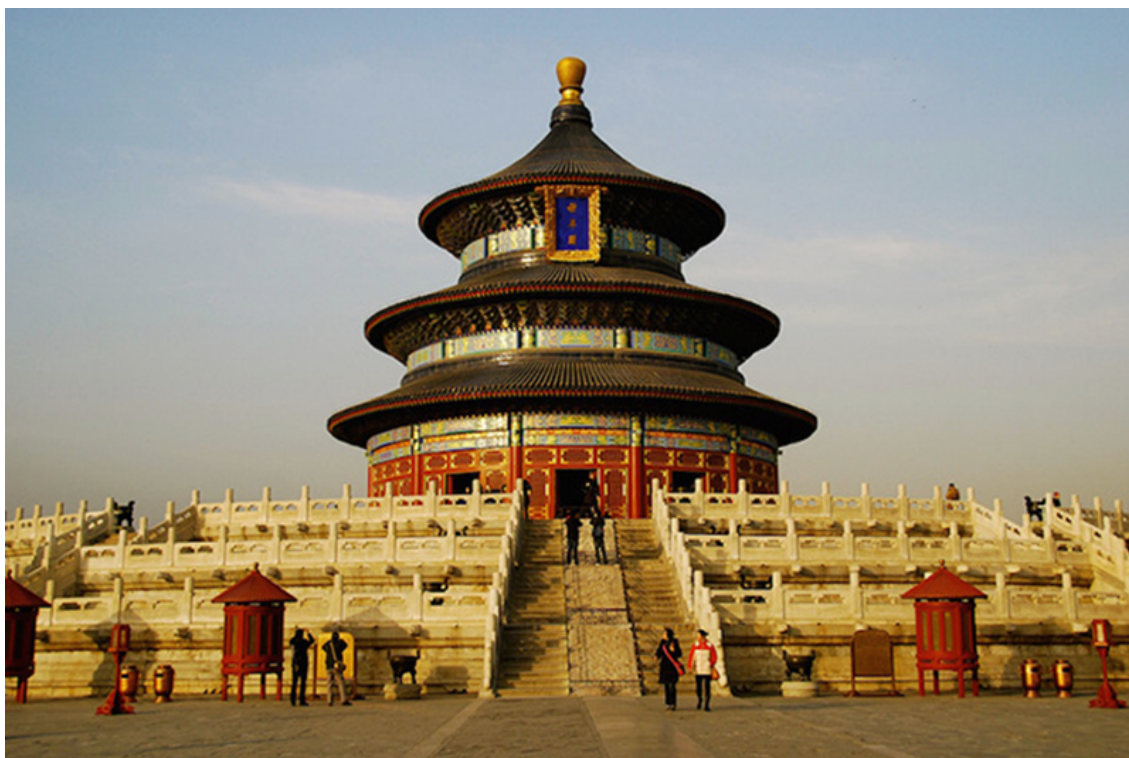
khu vực của văn hóa Đông phương và Tây phương, nên chưa thực sự trở thành những tôn giáo thế giới mang tính phổ quát. Hình thái hiện tồn của hai Phật giáo chưa phải là giai đoạn cuối cùng trong tiến trình phát triển; giáo nghĩa hiện hành cũng như cơ cấu tổ chức giáo đoàn đều bộc lộ những mặt thiếu sinh khí và có phần lỗi thời.

Nếu muốn khôi phục sức sống ngay trên chính quê hương của mình, các tôn giáo ấy cần vượt khỏi những khuôn khổ cũ kỹ không còn phù hợp và được tái thiết thành những tôn giáo có tính phổ quát, thực sự thích ứng với toàn thể nhân loại.

Ngay từ đầu thế kỷ XX, sau khi suy xét sâu sắc về những tệ đoan của Phật giáo truyền thống, Đại sư Thái Hư cùng nhiều nhân vật tiên phong trong phong trào phục hưng Phật giáo đã đề xướng cách mạng Phật giáo, tái thiết Phật học, đồng thời đưa ra những phương án cụ thể cho công cuộc tái thiết ấy.

Các học giả nghiên cứu Phật giáo cũng đã nhiều lần luận giải về tính tất yếu của cải cách. Chẳng hạn, trong tác phẩm Từ triết học phương Tây đến Thiền Phật giáo, Phó Vĩ Huân nhận định: *“Phật giáo đã đi đến giai đoạn không thể không thực hiện một cuộc chuyển hóa tận căn, đổi mới toàn diện.”*

Trương Mạn Đào, trong tác phẩm Quá khứ và hiện tại của Phật giáo Trung Quốc, cũng viết: *“Nếu Phật giáo trong tương lai không thể đem các phương diện chế độ, kinh tế và văn hóa quy tụ và thực hiện trên nền tảng tư tưởng trung tâm là hóa giải hai chướng ngại chấp ngã và chấp pháp, thì kết cục cuối cùng của Phật giáo vẫn sẽ là điều đáng bi quan.”*



Hình ảnh minh họa (sưu tầm)

2. Những kiến nghị về cải cách và tái thiết

Có thể nói, sự cần thiết phải cải cách và tái thiết Phật giáo đã trở thành nhận thức chung của giới Phật giáo ngày nay. Nhưng cải cách và tái thiết như thế nào? Điểm then chốt là phải truy nguyên về giáo pháp của đức Phật, đồng thời thích ứng với căn cơ của xã hội hiện đại và tương lai; phát huy truyền thống của các bậc cổ đức biết tùy thời, khéo cơ mà mạnh dạn cải cách; lấy sở trường bù sở đoản, loại trừ những hạn chế và tệ trạng tích tụ lâu ngày; từ đó tiến hành đổi mới trên các phương diện như giáo đoàn, giáo nghĩa, phương thức hoằng pháp và chức năng xã hội, nhằm thực hiện triệt để quá trình chuyển hóa theo hướng hiện đại.

Ở đây, chỉ xin căn cứ trên những nguyên tắc cơ bản của công cuộc cải cách và tái thiết để đưa ra ba kiến nghị bước đầu, còn chưa thật sự hoàn chỉnh.

2.1. Đứng vững trên nền tảng truyền thống, tùy thời khéo cơ, trở về với đức Phật, tổng nhiếp toàn thể Phật pháp và tái thiết nền Phật học hiện đại

Cái gọi là “tái thiết” không có nghĩa là xây dựng một nền Phật giáo hoàn toàn mới trên một khoảng đất trống. Công cuộc ấy chỉ có thể được thực hiện bằng cách cải tiến và đổi mới trên nền tảng Phật giáo hiện hữu. Vì vậy, điểm xuất phát không thể tách rời Phật giáo Trung Quốc với lịch sử truyền thừa hơn hai

nghìn năm.

Đúng như Đại sư Thái Hư từng chủ trương trong bài Tân dữ Dung quán (Cái mới và sự dung thông xuyên suốt) về một nền *“Phật giáo mới lấy Trung Quốc làm bản vị”*: *“Lấy Phật pháp đã được truyền diễn và biến chuyển tại Trung Quốc trong suốt hai nghìn năm làm nền tảng; trên cơ sở thích ứng với những nhu cầu hiện tại và tương lai của Trung Quốc, tiếp thu và chọn lọc những sở trường của Phật giáo ở các thời đại và khu vực khác nhau, qua đó hình thành một nền Phật giáo Trung Quốc mới trong công cuộc phục hưng dân tộc Trung Hoa.”*

Điều đó hoàn toàn không có nghĩa là vứt bỏ truyền thống, rồi tìm kiếm một phương thức khác từ thời cổ đại hoặc từ một khu vực xa lạ để thay thế nguyên trạng của Phật giáo bản địa. Chẳng hạn, hiện nay có người muốn dùng một tông phái nào đó của Phật giáo Tây Tạng hoặc Phật giáo Nam truyền để thay thế Phật giáo Hán truyền. Cách làm ấy, cũng như thái độ cố thủ trong khuôn mẫu cũ mà không chịu thích ứng với thời đại, đều *“không tránh khỏi căn bệnh bất kế cơ”*.

Điểm then chốt của công cuộc tái thiết nằm ở hạt nhân của tín ngưỡng Phật giáo, tức Chính pháp. Chính pháp phải lấy kinh giáo của đức Phật làm tông chỉ và chỗ nương tựa, đồng thời thích ứng với căn cơ của thời đại hiện đại để tiến hành cải cách giáo nghĩa: kế thừa tinh hoa, loại bỏ những yếu tố không còn phù hợp, bổ sung những mặt còn khiếm khuyết, tiếp thu sở trường của Phật giáo ở các quốc gia khác, thậm chí tham khảo những điểm tích cực của các tôn giáo khác; trên cơ sở đó chỉnh hợp toàn thể Phật pháp.

Mục tiêu là kiến lập một nền Phật học hiện đại vừa kế hợp với bản hoài của đức Phật, vừa hài hòa với tinh thần thời đại và xã hội hiện đại, đồng thời thích hợp cho con người ngày nay học tập, tu trì và thực hành.

Trong bài Nhân sinh Phật giáo khai đề đại tự (Lời tựa thay cho phần mở đầu về Phật giáo Nhân sinh), Đại sư Thái Hư từng đề xuất phương châm căn bản cho việc tái thiết Phật học như sau: *“Đến thời đại ngày nay, cần phải y cứ vào toàn thể chân lý của đức Phật mà thích ứng với căn cơ của toàn nhân loại; lại cần tuyển trạch những tinh yếu trong Phật pháp của các thời đại và khu vực trước đây, rồi tổng hợp những tinh yếu ấy mà chỉnh lý thành một hệ thống.”*

Xét từ hoàn cảnh hiện nay, nguyên tắc này vẫn còn nguyên giá trị.

Trong nhiều thập niên qua, sự truyền nhập của Mật giáo Đông Á và Mật giáo Tây Tạng, việc dịch thuật và giới thiệu Phật giáo Nam truyền, sự phát triển ngày càng sâu rộng của nghiên cứu Phật học, cùng với những thực tiễn cải cách Phật

giáo ở trong và ngoài Trung Quốc, đều đã tạo nên những điều kiện thuận lợi cho công cuộc tái thiết nền Phật học Trung Quốc.

Trước hết, cần phát huy truyền thống của Phật học Hán truyền vốn lấy đức Phật làm gốc, lấy kinh điển làm tông chỉ; phải căn cứ trên Phật pháp bản nguyên và toàn diện, chứ không y cứ riêng vào học thuyết của bất kỳ tông phái cổ đại hay khu vực nào vốn chỉ là dòng lưu truyền mà không phải nguồn gốc, cũng không nên tự giới hạn trong một số kinh luận mà các tông phái riêng biệt nương vào. Điều cần thiết là phải y cứ trên toàn bộ Phật điển để nhận thức giáo pháp chỉnh thể mà đức Phật đã chỉ dạy.

Vì vậy, cần đặc biệt coi trọng bộ A-hàm, vốn trong thời gian dài chưa được dành cho vị trí tương xứng; đồng thời tham khảo Tam tạng Nam truyền, bổ sung tư liệu từ Đại tạng kinh Tây Tạng, qua đó từ toàn bộ hệ thống giáo điển mà nhận diện nội dung và kết cấu của Phật pháp bản nguyên.

Không những phải tôn đức Phật làm căn bản, mà còn cần kế thừa và phát huy trí tuệ của chư vị Tổ sư, cao tăng đại đức Trung Quốc trong việc y cứ kinh giáo để xiển dương và phát huy Phật pháp. Chẳng hạn, tư tưởng Viên giáo của hai tông Thiên Thai và Hoa Nghiêm biểu hiện một hệ thống Phật pháp viên dung, hoàn chỉnh; còn Thiền tông và Tịnh độ tông cung cấp những pháp môn giản dị mà thiết thực. Những truyền thống ấy đã giải thích viên mãn và cô đọng ở mức độ rất cao tinh túy giáo pháp của đức Phật, vì vậy vẫn nên được xem là nền tảng của công cuộc tái thiết Phật học.

Tuy nhiên, cần sửa chữa những thiên lệch của các dòng Thiền và Tịnh về sau khi xa rời kinh giáo. Như Đại sư Thái Hư từng nói, việc tu tập Thiền, Tịnh và Mật đều phải được kiến lập vững chắc trên nền tảng giáo nghĩa và giới luật. Bất luận tu học theo tông phái nào, trước hết đều phải văn và tư kinh giáo, thành tựu chính tri chính kiến, chân thật phát tâm Bồ-đề, thọ trì Tam quy và Ngũ giới, hoàn thiện đời sống vật chất, tinh thần và luân lý; trước tiên phải học làm một con người tốt, rồi sau đó mới có thể nói đến việc nương theo các pháp môn mật giáo, viên đốn để minh tâm kiến tính và cầu giải thoát ngay trong đời này.

Đại sư Ấn Quang cũng từng chỉ rõ rằng, nếu muốn thâm nhập những tầng sâu của Phật pháp, *“ắt phải từ Giáo mà vào, rồi sau mới đến Thiền tông, như vậy mới tránh được sai lệch”*.

Đối với Thiền tông, cần căn cứ vào căn cơ của người học ngày nay mà khéo léo thiết lập những phương thức nhập Thiền và kỹ thuật truyền dạy Thiền phù hợp; có thể tham khảo tâm lý học, siêu tâm lý học, đồng thời tiếp thu những phương tiện thiện xảo của Đại Thủ Ấn và Đại Viên Mãn trong Mật giáo Tây Tạng để mở

rộng nhiều cửa Thiền khác nhau, không nên cứng nhắc chỉ câu nệ vào một phương pháp tham thoại đầu hay công án.

Đối với việc tu tập Mật pháp, cần đặc biệt nhấn mạnh việc nghiêm túc tuân thủ thứ lớp, đầy đủ tư lương, từ Hiển nhập Mật và phát tâm phải chân thật, đúng đắn.

- Tiếp đến, như Đại sư Thái Hư từng nói, phải *“thích ứng với căn cơ của toàn thể nhân loại”*, và *“căn cứ trên chân lý thường trụ của Phật giáo để thích ứng với tư tưởng và văn hóa của thời đại, gạt bỏ những sắc thái không còn phù hợp với thời đại, tùy thời mà phát huy chức năng giáo hóa của Phật pháp”*.

Từ va chạm đến giao thoa giữa hai nền văn minh Đông và Tây có thể nói là xu thế lớn của tư tưởng và văn hóa nhân loại ngày nay. Một mặt, văn minh phương Tây cận hiện đại đã phát triển đời sống vật chất lên trình độ rất cao, của cải gia tăng chưa từng có, khoa học kỹ thuật tiến bộ nhanh chóng, tốc độ biến đổi xã hội và chuyển dịch tư tưởng ngày càng tăng, từ đó hình thành một xu hướng phổ biến trên thế giới: đề cao lý tính, coi trọng kiểm chứng, chú trọng xây dựng đời sống hiện thực và hưởng thụ cuộc sống.

Mặt khác, những mâu thuẫn, khủng hoảng và tệ bệnh xã hội do sự phát triển phiến diện của văn minh vật chất gây nên lại thúc đẩy con người phản tỉnh về những khiếm khuyết của văn minh phương Tây, đồng thời nhận thức lại ý nghĩa của truyền thống văn hóa phương Đông vốn coi trọng đời sống tinh thần. Những thành tựu mới của khoa học tiên tiến cũng không ngừng thúc đẩy con người khám phá giá trị sâu xa hơn của Phật pháp.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và quá trình tìm kiếm một nền văn hóa mới cho thế giới, nhân loại đang cần một loại trí tuệ vừa có khả năng chữa trị những căn bệnh của văn minh phương Tây, vừa hài hòa với tinh thần hiện đại mà đồng thời lại vượt lên trên giới hạn của thời đại; cần một mối dây tinh thần có thể kết nối toàn thể nhân loại thành một cộng đồng. Theo quan điểm của tác giả, trong số các truyền thống hiện có, Phật pháp là một trong những hệ thống có khả năng mạnh mẽ nhất để đáp ứng nhu cầu ấy.

Tuy nhiên, các học thuyết tông phái Phật giáo truyền thống ở nhiều khu vực khác nhau, kể cả các tông phái Hán truyền, do bị giới hạn bởi hoàn cảnh địa lý và lịch sử, đã ít nhiều mang tính dân tộc hóa và khu vực hóa, vì vậy có một khoảng cách nhất định so với bản ý nguyên thủy của đức Phật và không còn hoàn toàn đủ sức thích ứng với căn cơ của thời hiện đại.

Do đó, trên nền tảng tinh hoa của Phật học truyền thống, cần thuận theo bối cảnh thời đại và nhu cầu tinh thần của con người để tái thiết một nền Phật học mới, trong đó tính khoa học và siêu khoa học, tính thế gian và siêu thế gian, tính hệ thống và tính giản dị phải được thống nhất với nhau.

Khi giải thích các nguyên lý Phật pháp, cần vận dụng tri thức hiện đại và những thành tựu của khoa học hiện đại, qua đó làm hiển lộ những giá trị vốn vượt lên trên phạm vi khoa học thuần túy của Phật pháp. Đồng thời, phải đứng trên nền tảng đời sống hiện thực, hướng đến an lạc của chúng sinh, thanh lọc tâm thức và xây dựng Tịnh độ nhân gian; chú trọng Nhân thừa chính pháp và sự ứng dụng sinh động của Phật pháp trong đời sống, qua đó điều chỉnh xu hướng truyền thống quá thiên trọng về phương diện xuất thế.

Phó Vĩ Huân, trong tác phẩm Từ triết học phương Tây đến Thiền Phật giáo, từng chỉ ra rằng con người hiện đại sẽ từ góc độ cải thiện đời sống hiện thực từng ngày mà tìm hiểu lại nhu cầu và ý nghĩa của tôn giáo. Chìa khóa thành công của cuộc cải cách Phật giáo nằm ở việc liệu có thể thông qua sự giải thích hiện đại về Trung đạo và Chân tục nhị đế để kiến lập một nền đạo đức học xã hội hay không; đồng thời phải đào sâu triết lý *“sinh tử tức Niết-bàn”*, *“tái phát hiện ý nghĩa hậu hiện đại rằng mỗi khoảnh khắc tinh tấn của đời sống đều chính là cơ hội hiện thực hóa giải thoát Niết-bàn”*, qua đó giải quyết vấn đề kết nối trí tuệ đời sống cá nhân với đạo đức xã hội, cũng như dung thông giữa nhập thế và xuất thế.

Cần luận chứng sâu hơn về tính bất nhị giữa Phật pháp và đời sống hiện đại, chỉ rõ cụ thể con đường từ thân phận con người mà hướng đến Phật quả, đồng thời giải quyết mâu thuẫn giữa lý tưởng xuất thế và đời sống thế tục đang phát triển nhanh chóng, cũng như mâu thuẫn giữa Bồ-đề thanh tịnh vô nhiễm và dục vọng con người ngày càng lan tràn.

Chủ trương của Đại sư Thái Hư về con đường *“nuông Nhân thừa mà hướng tới hạnh quả Đại thừa”*, tức một mô hình Đại thừa viên tiệm, và tư tưởng Phật giáo Nhân gian lấy Phật pháp giáo hóa xã hội, vốn đã mang tính chất thống nhất giữa thế gian và siêu thế gian. Tuy nhiên, chiều sâu lý luận, độ dày của hệ thống tư tưởng và sức mạnh hoàng truyền của mô hình ấy vẫn còn chưa đầy đủ.

Việc trình bày giáo nghĩa cần có tính hệ thống, bao hàm tinh hoa của toàn bộ Phật học và được tổ chức thành một cấu trúc chặt chẽ theo logic nội tại; đồng thời phải tránh sự rườm rà, huyền hư, phiến diện và tản mạn. Thuật ngữ và danh tướng nên được tinh giản, tinh túy giáo pháp cần được cô đọng.

Các pháp môn tu tập phải giản dị, thiết thực và phù hợp với những con người hiện đại bận rộn trong nhịp sống nhanh. Cần bám sát các vấn đề tâm lý và xã hội của con người hiện đại, trình bày sâu mà dễ hiểu, giảng kinh thuyết pháp bằng ngôn ngữ hiện đại thông tục, sáng rõ; dùng phương thức tư duy hiện đại để giải thích Phật học cổ truyền.

Đồng thời, có thể sử dụng các phương pháp khoa học như quy nạp, diễn dịch, quan sát, thực nghiệm, thống kê để nghiên cứu và chỉnh lý khối di sản đồ sộ của Phật giáo; tiếp tục cô đọng kho tàng kinh luận mênh mông, cởi bỏ lớp vỏ kinh viện cổ đại rườm rà và huyền ảo, chắt lọc tinh hoa của Tam tạng, quy nạp thành một hệ thống lý luận và thực chứng có mạch lạc rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, qua đó khôi phục diện mạo vốn giản dị và minh bạch của giáo pháp Thích-ca.

Cần giải phóng Phật pháp sinh động vốn được thuyết giảng tùy căn cơ khỏi những chồng sách cũ và tủ Đại tạng; đồng thời đưa Phật pháp, vốn đáng lẽ phải trở thành tài sản tinh thần chung của toàn dân, ra khỏi phạm vi hạn hẹp của lưu hương, chuông trống và pháp khí trong chùa cổ. Phải sử dụng các phương tiện truyền thông hiện đại để phổ biến rộng rãi, khiến Phật pháp trở thành một loại trí tuệ nhân sinh mà mọi người đều có thể tiếp cận và hiểu biết.

Cũng cần nhìn thẳng vào những thành tựu mới của khoa học, đặc biệt trong các lĩnh vực khoa học về con người, tâm lý học và những ngành liên quan, biết tiếp thu và tham khảo để tiếp tục làm sâu sắc lý luận Phật học. Nên vận dụng phương pháp khoa học hiện đại để cung cấp những luận cứ mạnh mẽ cho việc khảo sát và kiểm chứng các giá trị của Phật pháp.

Chẳng hạn, có thể sử dụng các phương pháp nghiên cứu định lượng của xã hội học và thống kê học để khảo sát mối liên hệ giữa hành vi, niềm tin, đời sống đạo đức và những hệ quả xã hội; nghiên cứu tác động của tín ngưỡng và thực hành Phật giáo đối với sức khỏe thân tâm cá nhân cũng như sự cân bằng của môi trường xã hội. Có thể vận dụng thành tựu và phương pháp của y học thân - tâm, tâm lý học và các ngành nghiên cứu ý thức để khảo sát những hiệu quả thân tâm do thực hành giới, định, tuệ mang lại, cũng như mối liên hệ giữa chủ thể và môi trường sống.

Qua những con đường ấy, lý luận và thực hành Phật pháp có thể được đối thoại và kiểm chứng nghiêm túc hơn trong không gian khoa học hiện đại, từ đó gia tăng sức thuyết phục đối với con người đương thời.

Trí tuệ và các phương pháp tu tập của Phật pháp như thiền quán, sám hối v.v. cần được đưa vào đời sống hiện thực và ứng dụng trong nhiều lĩnh vực như học

tập, công việc, giáo dục, nghiên cứu khoa học về con người, hỗ trợ và trị liệu tâm lý, quản lý, thể thao, dưỡng sinh, văn học nghệ thuật, võ thuật, quân sự, giải trí, du lịch và quản trị doanh nghiệp.

Phật pháp cũng có thể được ứng dụng vào các phương diện như chăm sóc sức khỏe, phát triển năng lực nhận thức, tư vấn tâm lý, giáo dục trẻ em, giáo dục và hỗ trợ người lầm lỗi tái hòa nhập, giáo dục sức khỏe sinh sản, nâng cao hiệu quả lao động, thẩm mỹ, giải trí, giáo dục giới tính và chăm sóc cuối đời và trợ niệm.

Mục tiêu là làm cho Phật pháp và thế pháp có thể dung thông trong đời sống, cung cấp cho con người những phương pháp và kỹ năng vận dụng Phật pháp một cách sống động, để Phật pháp thực sự phát huy công năng lợi ích và an lạc chúng sinh, làm phong phú và khai mở chiều sâu của cuộc sống, từ đó trở thành một nguồn lực tinh thần gắn bó mật thiết với đời sống con người.

Đồng thời, cần tận dụng văn học nghệ thuật và các phương tiện giải trí để sáng tạo nhiều tác phẩm chất lượng cao thấm nhuần tinh thần Phật pháp trong các lĩnh vực văn chương, mỹ thuật, âm nhạc, điện ảnh, truyền hình..., qua đó phát huy tác dụng giáo hóa một cách tự nhiên và bền bỉ.

Phật pháp cũng cần được vận dụng vào nhiều phương diện của văn hóa xã hội, khai triển thành các lĩnh vực như triết học Phật giáo, tôn giáo học, xã hội học, nhân học, tâm lý học, luân lý học, mỹ học, giáo dục học, khoa học quản trị, văn hóa du lịch và nghiên cứu về sinh tử và sự chết. Qua đó, Phật pháp có thể thấm thấu vào nhiều lĩnh vực văn hóa, góp phần thúc đẩy sự phát triển của các ngành ấy, đồng thời cũng làm phong phú thêm chính nội dung của Phật học.

Cần noi theo tinh thần của Đại sư Thái Hư, từ tầm cao trí tuệ Phật pháp mà khảo sát và đánh giá các lĩnh vực văn hóa hiện đại như kinh tế, chính trị, giáo dục, văn nghệ, khoa học và triết học; chỉ ra những khiếm khuyết, đồng thời đưa ra những kiến nghị mang tính xây dựng.

Sở trường đặc biệt của Phật giáo nằm ở hệ thống giáo lý sâu sắc, rộng lớn, kỹ thuật thiền tu tinh vi cùng tinh thần nhân văn của lòng từ bi và bình đẳng. Chỉ khi phát huy được chính những sở trường ấy, Phật giáo mới có thể làm nổi bật giá trị và chức năng riêng của mình trong bối cảnh đa nguyên và cạnh tranh văn hóa.

2.2. củng cố vị thế trung tâm của Chính pháp, xây dựng Tăng đoàn Bồ-tát, đào tạo nhân tài tinh anh và phổ cập

giáo dục

Niềm tin Phật giáo vốn có một đặc điểm: tính chân thực thì nổi trội, nhưng tính thiêng liêng lại chưa được biểu hiện đầy đủ. Hơn nữa, từ lâu, việc hoằng truyền Phật pháp chủ yếu dựa vào hàng Tỳ-kheo xuất gia, từ đó hình thành mô thức lấy cao tăng làm trung tâm, khiến sự hưng suy của Phật giáo thường gắn chặt với sự xuất hiện hay vắng bóng của những bậc cao tăng.

Tuy nhiên, Phật giáo không thể bảo đảm rằng thời đại nào cũng xuất hiện cao tăng. Trong kinh điển từ lâu đã có những lời dự báo về điều này, và thực tế hiện nay dường như đang chứng minh điều ấy. Những điều kiện tu hành cùng xu hướng tâm lý của con người trong xã hội hiện đại khiến cho việc xuất hiện những bậc cao tăng ngày càng trở nên khó khăn.

Có người gửi gắm hy vọng phục hưng Phật giáo vào một ngày nào đó sẽ có một vị cao tăng từ chốn thâm sơn xuất hiện; họ cho rằng chỉ cần một nhân vật như thế đứng lên hiệu triệu thì quần chúng sẽ lập tức hưởng ứng đông đảo. Nhưng có lẽ thời đại ấy đã qua từ lâu, và khả năng xuất hiện một vị cao tăng có sức hiệu triệu như vậy cũng không còn lớn.

Chính sách kế hoạch hóa gia đình “*mỗi gia đình chỉ sinh một con*” cũng là một trong những nguyên nhân khiến số người xuất gia khó có thể đông đảo. Ngay cả khi có một vài vị cao tăng chứng đắc quả vị và thần thông, thì thành tựu ấy phần nhiều cũng có thể liên hệ với thiện căn được tích lũy từ nhiều đời trước; do đó, chưa hẳn các vị ấy có thể chỉ dạy người khác đạt đến sự chứng đắc tương tự.

Xã hội hiện nay và trong tương lai có lẽ sẽ chủ yếu thích hợp với con đường mà Thái Hư Đại sư gọi là “*Viên Tiệm Đại thừa*” - tức từ việc thực hành Nhân thừa mà từng bước hướng đến quả vị Đại thừa.

Xuất gia tu hành, xét theo mô hình truyền thống, vốn tiêu biểu cho con đường Thanh văn thừa. Trong Phật thừa Tông yếu luận (法華宗要論, 1920), Thái Hư Đại sư viết: “*Bởi vậy, người xuất gia vốn nên trước tiên tu pháp Tiểu thừa; sau khi đã thành tựu, mới hồi Tiểu hướng Đại để tiến vào Đại thừa.*”

Trong khi đó, sự thực hành Đại thừa vốn lấy hàng cư sĩ tại gia làm một lực lượng chủ yếu. Pháp sư Ấn Thuận từng nói: “*Hành giả Đại thừa lấy hàng tại gia làm chủ yếu.*”

Trước sự thách thức của Kitô giáo, nếu muốn phục hưng Phật giáo thì cần phải học lấy sở trường để bổ khuyết những điểm còn hạn chế, đồng thời đề cao

mạnh mẽ tính chân thực của niềm tin Phật giáo.

Phật giáo nếu đặt trọng tâm vào việc tín ngưỡng những bậc cao tăng, “*hoạt Phật*”, hoặc lấy một vị cao tăng nào đó làm trung tâm, thì tính thiêng liêng của tôn giáo có thể dần suy giảm và cuối cùng dẫn đến suy thoái. Vì vậy, cần chuyển từ mô thức ấy sang lấy Chính pháp làm trung tâm; đồng thời, trong thời đại khoa học hiện đại, phải phát huy chính tính chân thực mà con người hiện đại có thể tin nhận, qua đó nâng cao tính thiêng liêng của niềm tin Phật giáo.

Lấy Chính pháp làm trung tâm

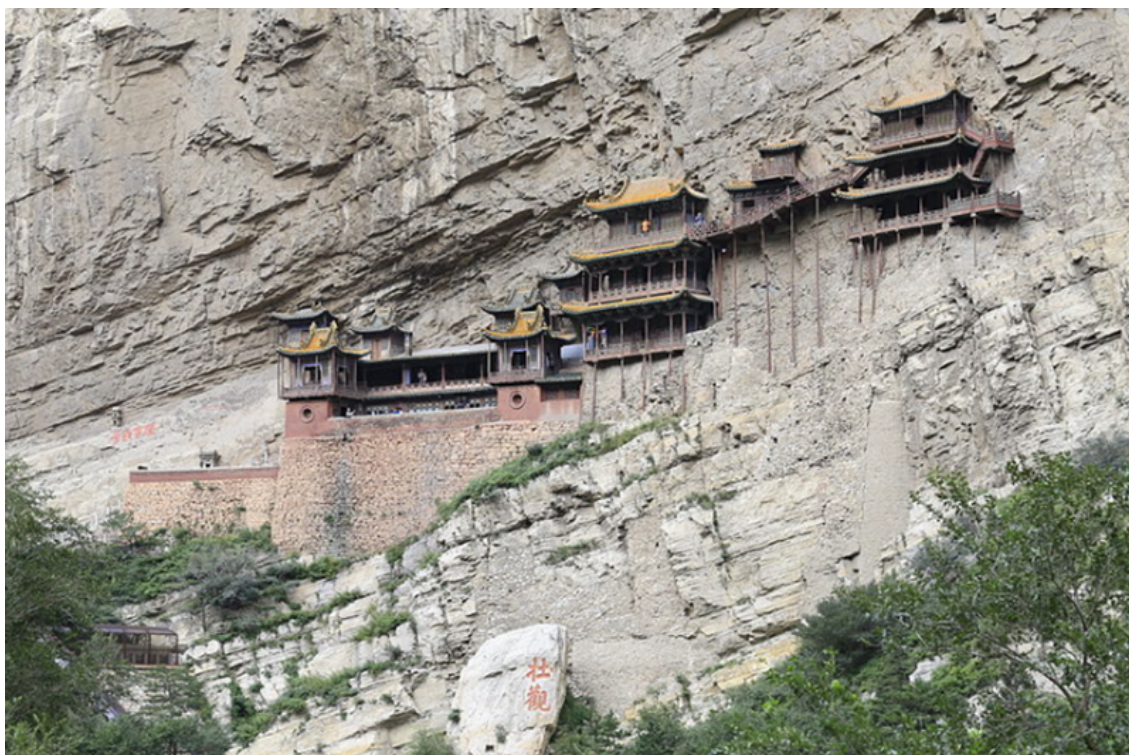
“*Lấy Chính pháp làm trung tâm*” có nghĩa là nhấn mạnh tính chân lý và thẩm quyền của Chính pháp; đồng thời khẳng định rằng trước Chính pháp, tất cả mọi người đều bình đẳng.

Bất luận xuất gia hay tại gia, tất cả đều phải lấy Chính pháp làm nơi quy y cứu cánh, chứ không phải sùng bái một cá nhân nào đó, càng không nên thần thánh hóa một con người rồi biến người ấy thành đối tượng tín ngưỡng.

Trong thời kỳ được gọi là Mạt pháp, khả năng chứng đắc những quả vị rất cao được xem là không lớn. Ngay cả khi có người chứng quả, cho đến chứng đắc A-la-hán, thì nhân cách, trí tuệ và thần thông của vị ấy cũng chưa phải đã viên mãn hoàn toàn; sức ảnh hưởng vì thế vẫn có giới hạn. Những vị ấy có thể được tôn kính như những khuôn mẫu tu hành, nhưng không thể thay thế Chính pháp để trở thành nơi quy y cứu cánh.

Tinh thần căn bản trong giáo pháp của đức Phật là: Nương vào trí tuệ thấy biết đúng như thật mà tự thanh tịnh tâm mình để đạt đến giải thoát, chứ không phải nương tựa vào một cá nhân hay một vị thần linh nào để được giải thoát.

Trong xã hội hiện đại, tinh thần ấy càng cần được đề cao mạnh mẽ. Vì vậy, cần phản đối sự sùng bái cá nhân và sự mê tín và lệ thuộc vào cá nhân; đồng thời phản đối việc sử dụng các kỹ thuật tiếp thị hiện đại để “*đóng gói*” hình tượng cao tăng hay quảng bá “*hoạt Phật*”, bởi những hiện tượng ấy có thể che khuất tinh thần lấy Chính pháp làm trung tâm và làm suy giảm tính thiêng liêng chân chính của Phật giáo.



Hình ảnh minh họa (sưu tầm).

3. Nhất thể đa nguyên, đi sâu vào xã hội, hướng đến tương lai và toàn cầu

Cái gọi là “*nhất thể đa nguyên*”, trong đó “*nhất thể*” là chỉ giáo pháp căn bản của đức Phật, tức nền tảng chung mà các hệ phái, tông phái và truyền thống Phật giáo đều cùng tin nhận. Đặc biệt, đối với Phật giáo Đại thừa, tinh thần chú trọng cải thiện đời sống hiện thực và xây dựng một xã hội lý tưởng, tức tinh thần của Phật giáo Nhân gian, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng tại Trung Quốc và cần được tất cả đệ tử Phật cùng thực hành.

Nếu không như vậy, mà vẫn tiếp tục mô hình Phật giáo truyền thống thời Minh – Thanh, chỉ đáp ứng nhu cầu của một bộ phận nhỏ những người mang tâm lý yếm thế hoặc đứng bên lề đời sống xã hội, thì Phật giáo sẽ ngày càng bị đa số dân chúng cũng như chính quyền xa cách, chỉ còn tồn tại như một dạng văn hóa bên lề, khó có khả năng phát triển mạnh mẽ, thậm chí còn đứng trước nguy cơ bị các hệ tư tưởng và tôn giáo khác lấn át.

Đa nguyên trong tông phái và pháp môn

“*Đa nguyên*” có nghĩa là tông phái, pháp môn và phương thức hoằng truyền phải phong phú, đa dạng, không nên chỉ giới hạn trong Phật giáo tự viện hay các tông phái truyền thống.

Nhu cầu tôn giáo của con người vốn hết sức khác nhau, căn cơ của chúng sinh cũng không đồng nhất. Đức Phật tùy căn cơ mà thuyết pháp, không có một pháp cố định áp dụng cho tất cả. Vì vậy, Phật giáo không thể chỉ có một tông phái hay một pháp môn duy nhất, mà cũng không thể bị thống nhất theo một mô thức duy nhất.

một tổ chức Phật giáo, một tông phái nào đó, một vị cao tăng nào đó, thậm chí cả chính quyền, đều không thể dùng một khuôn mẫu duy nhất để thống nhất toàn bộ Phật giáo; cũng không thể yêu cầu tất cả Phật tử đều phải quy hướng về một vị Hòa thượng nào.

Bản chất của Phật giáo vốn dĩ là như thế. Căn cơ của chúng sinh muôn hình vạn trạng; ai cũng có Phật tính và đều có khả năng thành Phật. Không thể có một cá nhân nào một mình độ tận hết chúng sinh. Điều cần thiết là tạo cơ hội để mọi người đều có thể tham gia vào sự nghiệp độ sinh và tiến đến thành Phật.

Kitô giáo tuy cùng quy hướng về một Thượng đế nhưng vẫn phân thành nhiều hệ phái. Phật giáo thì cùng quy hướng về một Chính pháp, nhưng lại có đến “*tám vạn bốn nghìn pháp môn*”; vì vậy, tính đa nguyên là điều tất yếu.

Không những các tông phái truyền thống có thể được kế thừa và phục hưng, mà còn có thể tiếp nhận những thành tựu của Phật giáo Tây Tạng, Phật giáo Nam truyền, thậm chí Phật giáo phương Tây; đồng thời có thể hình thành những tông phái và pháp môn mới.

Trăm hoa cùng nở mới thực sự là mùa xuân.

Phật giáo trong tương lai tất yếu sẽ mang tính đa nguyên; sẽ không có bất kỳ một tông phái nào có thể hoàn toàn đáp ứng mọi nhu cầu tâm linh của tất cả tín đồ.

Đa nguyên trong phương thức hoằng truyền

Phương thức hoằng truyền Phật pháp cũng cần phải đa dạng.

Phật giáo Trung Quốc đương đại thực tế đã xuất hiện xu thế đa nguyên rõ rệt. Bên cạnh Phật giáo tự viện truyền thống, nhiều phương thức hoằng truyền khác cũng đã hình thành.

Có Phật giáo cư sĩ, sinh hoạt tại các Cư sĩ lâm; có Phật giáo gia đình, trong đó khoảng mười, hai mươi hoặc ba, bốn mươi người cùng tổ chức thành các nhóm học Phật, tụ hội tại tư gia để nghiên cứu kinh luận hoặc thực tập thiền định. Những nhóm như vậy đã xuất hiện tại nhiều thành phố lớn.

Có một tổ chức Phật giáo quán, mô hình thư viện Phật giáo hoặc thư viện – học viện, nơi tổ chức giảng kinh, thuyết pháp và sinh hoạt học thuật.

Tại các trường đại học và viện khoa học xã hội còn có các khoa, viện hoặc trung tâm nghiên cứu Phật học, giảng dạy kinh luận, mở các khóa nghiên tu Phật học có cả người xuất gia tham dự, tổ chức hội thảo học thuật về Phật giáo. Xét trên thực tế, đây có thể xem là một hình thức Phật giáo học thuật và văn giáo.

Ngoài ra, Phật pháp còn được truyền bá thông qua văn học và nghệ thuật như điện ảnh, truyền hình, tiểu thuyết, âm nhạc, múa..., có thể gọi là Phật giáo văn nghệ.

Có những nhà tâm lý hoặc bác sĩ tâm lý vận dụng các phương pháp có nguồn gốc Phật giáo vào công việc trị liệu, có thể gọi là Phật giáo tâm lý học.

Trong nhiều lớp đào tạo, kể cả một số chương trình bồi dưỡng cán bộ, cũng thường có các chuyên đề giới thiệu về Phật giáo.

Phật giáo vốn mang nhiều tư cách đồng thời: tôn giáo, văn hóa và ở một số phương diện còn có thể đối thoại với khoa học. Việc truyền bá Phật giáo với tư cách một tôn giáo trong khuôn viên chùa viện chỉ là một hình thái trong nhiều hình thái tồn tại của nó.

Trong tương lai, Phật giáo còn có thể biểu hiện qua nhiều hình thức khác như văn học nghệ thuật, học thuật, tâm lý học, khoa học sự sống, dưỡng sinh và yoga.

Nếu môi trường chính sách ngày càng cởi mở hơn và phong trào nghiên cứu quốc học tiếp tục phát triển, thì phương thức hoằng truyền Phật giáo chắc chắn sẽ ngày càng đa dạng hơn.

Theo tác giả, một trong những phương thức lý tưởng nhất là tổ chức giáo dục Phật học theo mô hình học viện chuyên môn. Bởi xét về bản chất, Phật giáo cũng là một nền giáo dục; Phật pháp cần được học tập một cách có hệ thống, vì vậy trường học hoặc học viện có thể trở thành một trong những hình thức thích hợp nhất để truyền bá và duy trì Phật pháp.

Đi sâu vào đời sống xã hội

“*Đi sâu vào xã hội*” có nghĩa là Phật giáo cần chú trọng hơn nữa đến các hoạt động từ thiện, cứu trợ, công ích và giáo dục văn hóa; giúp đỡ người nghèo khó, cứu trợ những hoàn cảnh khốn cùng, hỗ trợ các chương trình giáo dục, quan tâm đến trẻ em, thanh thiếu niên, những người lầm lỡ, sa sút về đạo đức hoặc

đang trong quá trình cải tạo.

Thông qua những hành động thực tế ấy, tinh thần Bồ-tát đạo mới được thể hiện một cách cụ thể; đồng thời khích lệ và dẫn dắt Phật tử tích cực tham gia vào công cuộc xây dựng đời sống xã hội, quan tâm đến việc cải thiện điều kiện sinh hoạt và bảo vệ môi trường sống.

Phật giáo cần phát huy đầy đủ các chức năng như phục vụ xã hội, khích lệ con người, hỗ trợ tâm lý và an ủi tinh thần.

Quan trọng hơn nữa là phát huy tích cực chức năng tham dự văn hóa và đời sống xã hội: quan tâm đến các vấn đề xã hội, những vấn đề thực tiễn của đời sống cũng như những khủng hoảng trong tâm hồn con người; chỉ ra và phê bình những khiếm khuyết hoặc lệch lạc của văn hóa thế tục; đồng thời đóng góp những đề xuất và ý kiến đối với việc xây dựng văn minh vật chất, văn minh tinh thần và giải quyết các vấn đề xã hội.

Qua đó, Phật giáo có thể góp phần thanh lọc tâm hồn con người và chuyển hóa những căn bệnh của xã hội.

Hướng đến tương lai, hướng đến toàn cầu

“*Hướng đến tương lai, hướng đến toàn cầu*” có nghĩa là sự phát triển của Phật giáo cần có tầm nhìn xa và rộng.

Xu thế toàn cầu hóa tác động mạnh mẽ đến sự phát triển văn hóa của mọi khu vực, khiến một nền văn hóa vừa phải duy trì bản sắc dân tộc, vừa phải có tính quốc tế.

Phật giáo vốn là một tôn giáo mang tính thế giới. Phật giáo Trung Quốc, vốn trong một thời gian dài từng giữ vị trí quan trọng trong thế giới Phật giáo Đại thừa, càng cần phải hướng ra toàn cầu và bước ra khỏi phạm vi quốc gia.

Sự phát triển ấy cần xuất phát từ sứ mệnh đóng góp vào tiến trình văn minh hiện đại và thúc đẩy sự chuyển đổi của văn minh, đồng thời hướng tầm nhìn đến sự phát triển của thế giới tương lai.

Phật giáo cần tiếp thu những ưu điểm của các nền văn hóa khác, tổng nhiếp và phát huy những yếu tố tích cực trong kho tàng Phật học truyền thống; căn cứ trên nguyên tắc kế lý, kế cơ mà tổ chức, chuyển hóa và sáng tạo, từ đó hình thành những hình thái Phật giáo mới có khả năng thích ứng với xã hội toàn cầu trong tương lai.

Trong bài Ảnh hưởng của toàn cầu hóa đối với văn hóa Phật giáo ([\[1\]](#)), Hồng Tổ Phong, Chủ tịch Hội Hoàng pháp Phật giáo Malaysia, cho rằng: *Cần vận dụng khoa học kỹ thuật và các phương tiện truyền thông hiện đại để truyền bá giáo pháp của đức Phật trên phạm vi toàn cầu, cung cấp nguồn dưỡng chất tinh thần cho văn hóa thế giới; làm cho Phật giáo trở thành một thành tố tích cực của nền văn hóa toàn cầu, chứ không chỉ là một người đứng ngoài quan sát hay một bên thụ động tiếp nhận.*

Đồng thời, Phật giáo cần hỗ trợ con người củng cố niềm tin đối với những giá trị tốt đẹp vốn có trong nền văn hóa của mình, chống lại xu hướng toàn cầu hóa bị chi phối bởi lòng tham và chủ nghĩa tiêu thụ, qua đó cung cấp cho nhân loại một khả thể và một lựa chọn khác về phương thức sống và phát triển.

4. Phục hưng Phật giáo và xây dựng văn hóa

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế, Trung Quốc đang tiến gần đến vị thế một trong những cường quốc kinh tế hàng đầu thế giới; vì vậy, tầm quan trọng của việc xây dựng văn hóa ngày càng trở nên nổi bật.

Có học giả nước ngoài từng nhận định rằng: nếu việc kiến tạo văn hóa dân tộc không thành công, thì cho dù kinh tế phát triển đến đâu, một quốc gia vẫn khó tránh khỏi nguy cơ suy thoái và suy yếu lâu dài. Hiện nay, chính quyền Trung Quốc cũng ngày càng nhận thức rõ điều ấy, ngày càng coi trọng việc xây dựng văn hóa dân tộc và thể hiện mạnh mẽ niềm tự tin văn hóa. Làm cho văn hóa Trung Hoa đứng vững trong cộng đồng văn hóa thế giới, thậm chí có khả năng đóng góp vào việc dẫn dắt văn hóa nhân loại, có thể xem là một trong những nội dung rực rỡ nhất của “*Giấc mộng Trung Hoa*”.

Vậy văn hóa Trung Quốc nên được xây dựng như thế nào?

Con đường thích hợp phải là “*nhất thể đa nguyên*”. “*Nhất thể*” nghĩa là thống nhất về lý tưởng chính trị và chức năng xã hội; “*đa nguyên*” nghĩa là phát huy những tinh hoa của văn hóa truyền thống Trung Quốc, đồng thời tiếp thu mọi thành tựu văn hóa ưu tú do nhân loại sáng tạo, từ đó hình thành cục diện phần vinh trăm nhà đua tiếng, trăm hoa đua nở.

Ngay từ năm 1919, trong bài Đời sống dân tộc Trung Quốc thời cận đại ([\[2\]](#)), Thái Hư Đại sư đã chủ trương: “*Tâm lý dân tộc Trung Hoa trong tương lai sẽ hấp thụ các nền văn hóa của những dân tộc khác nhau ở cả Đông lẫn Tây, suốt năm nghìn năm xưa và nay, rồi dung luyện thành một tâm lý dân tộc Trung Hoa mới, lấy đó làm khởi điểm cho việc sáng tạo văn hóa thế giới.*”

Trong kết cấu văn hóa đa nguyên ấy, văn hóa truyền thống Trung Quốc phải giữ vị trí đặc biệt quan trọng, trở thành chủ thể của nền văn hóa dân tộc mới.

Trong tác phẩm Văn hóa Trung Quốc trong tương lai (□□□□□□□□□□, 1943), Thái Hư Đại sư cho rằng văn hóa Trung Quốc cần phải được tái kiến thiết; mà muốn tái kiến thiết thì trước hết phải “*tiếp nối và truy nguyên nền văn hóa vốn có của dân tộc mình*”, trên cơ sở đó mới có thể tuyển chọn và hấp thụ những thành tựu của văn minh cận đại thế giới, hình thành nên nền văn hóa Trung Quốc hiện đại.

Ba thành tố chủ yếu của văn hóa truyền thống Trung Hoa là Nho, Phật và Đạo, mỗi truyền thống đều có tinh hoa, đồng thời cũng có những yếu tố hạn chế. Vì vậy, cần kế thừa một cách có phê phán: phát huy tinh hoa, loại bỏ những yếu tố lạc hậu. Có những điều trong quá khứ chưa chắc đã là hạn chế, nhưng trong điều kiện hiện đại lại có thể trở thành chướng ngại.

Không thể thực hiện chuyên chế văn hóa, cũng không thể chủ trương phục cổ một cách máy móc. Lão Tử muốn trở về trạng thái xã hội nguyên sơ, Khổng Tử muốn trở lại thời Tây Chu, nhưng những lý tưởng phục cổ ấy đều không thể trở thành hiện thực lịch sử. Vì vậy, cần rộng rãi tiếp thu tinh hoa của các nền văn hóa tiên tiến trên thế giới, dung luyện chúng để hình thành một nền văn hóa dân tộc mới.

5. Vai trò của Phật giáo trong xây dựng văn hóa

Phật giáo từ lâu đã là một bộ phận quan trọng của văn hóa truyền thống Trung Quốc, đồng thời là một trong những tôn giáo chủ yếu của quốc gia này, gánh vác trách nhiệm giúp đông đảo quần chúng an thân lập mệnh.

Xây dựng chính tín, xác lập nhân sinh quan, thế giới quan và giá trị quan đúng đắn là cái “*nền tảng căn bản*” mà con người cần giải quyết trước tiên, đồng thời cũng là chiếc bánh lái không thể thiếu trên hành trình của đời người.

Nếu thiếu một niềm tin cao thượng, con người rất dễ trở thành nô lệ của vật chất và tiền bạc, khiến dục vọng tràn lan, đạo đức suy thoái, đời sống tinh thần và tâm lý phát sinh nhiều vấn đề.

Nhà tâm lý học C. G. Jung từng cho rằng, nếu không có một thế giới quan tôn giáo làm nền tảng nâng đỡ, thì rất khó chữa trị tận gốc những khủng hoảng tinh thần và tâm lý.

Một quốc gia mà người dân hoàn toàn thiếu nền tảng tín ngưỡng và lý tưởng tinh thần thì khó có thể đạt được sự phát triển toàn diện.

Tôn Trung Sơn từng nói: *“Phật giáo là lòng nhân cứu thế, Phật học là mẹ của triết học. Tôn giáo là một trong những sức mạnh tự nhiên lớn lao nhất tạo nên và duy trì một dân tộc. Nhân dân không thể không có tư tưởng tôn giáo.”*

Phật giáo lấy Phật pháp - thành quả trí tuệ thâm sâu của nhân loại - làm hạt nhân tín ngưỡng, đồng thời mang những đặc tính có thể đối thoại với khoa học và triết học. Vì vậy, trong kết cấu văn hóa đa nguyên, Phật giáo cần đảm nhận một sứ mệnh văn hóa lớn hơn: trở thành một nguồn trí tuệ có khả năng định hướng và khai mở, góp phần chỉ dẫn phương hướng cho nền văn minh nhân loại.

Trong hệ thống văn hóa nhân loại, Phật pháp có một tầm nhìn đặc thù: lấy toàn thể vũ trụ và mười pháp giới làm tọa độ để quan sát đời sống con người. Từ đó, Phật giáo thể hiện một mức độ tự giác văn minh rất cao; có những nhận thức sâu sắc về vị trí và hoàn cảnh của con người trong vũ trụ, về tiềm năng nội tại của tự tính cũng như cứu cánh tối hậu của đời người; đồng thời có những phân tích và phê phán sâu sắc đối với những khiếm khuyết của đời sống nhân loại và những khủng hoảng và giới hạn của nền văn minh.

Phật pháp đặc biệt có những nhận thức sâu sắc về tâm con người, hết sức nhấn mạnh việc tự biết tâm mình và tự điều phục tâm mình, đồng thời xây dựng một hệ thống phương pháp tinh tế để quản trị và chuyển hóa nội tâm.

Đại thừa lấy việc gánh vác mối quan hoài tối hậu của nhân loại, độ tận chúng sinh và trang nghiêm quốc độ làm trách nhiệm. Đạo đức Đại thừa đề cao đại bi không phân biệt, vô ngã lợi tha, bình đẳng giữa các chúng sinh, đồng thời nhấn mạnh tinh thần việc khó làm vẫn làm, điều khó nhẫn vẫn nhẫn, hy sinh, phụng hiến và dũng mãnh tinh tấn.

Những phẩm chất ấy có sức cảm hóa đạo đức rất lớn, có thể khơi sáng phần tốt đẹp của nhân tính, giúp con người điều chỉnh tọa độ giá trị và nâng cao cảnh giới tinh thần.

Phật pháp còn mang tinh thần viên dung, không tranh chấp, biết thừa nhận chân lý có trong những học thuyết khác và tiếp thu sở trường của các truyền thống khác. Chính đặc tính này giúp Phật giáo dễ dàng chung sống hòa bình với nhiều nền văn hóa và có khả năng góp phần điều hòa giữa các hệ thống văn hóa khác nhau.

6. Ưu thế văn hóa của Phật giáo Đại thừa

Một hệ thống tư tưởng như Phật pháp Đại thừa, lấy những vấn đề vĩnh hằng của văn minh nhân loại làm trung tâm, lấy mối quan hoài tối hậu của con người làm nền tảng, vượt lên những giới hạn của thời đại, khu vực và dân tộc; đồng thời có khả năng tổng nhiếp các thành tựu văn hóa nhân loại và cung cấp trí tuệ, phương pháp để giải quyết những vấn đề căn bản của văn minh- đó là một hiện tượng rất đặc biệt.

Đại thừa vừa có tính chất tôn giáo, triết học và những phương diện có thể đối thoại với khoa học, lại đồng thời không bị giới hạn hoàn toàn trong bất cứ một phạm trù nào trong ba phạm trù ấy.

Tinh thần từ bi, bình đẳng, viên dung, rộng mở và linh hoạt của Phật pháp là một ưu thế văn hóa nổi bật.

Chính những đặc tính và ưu thế đặc thù này khiến Phật giáo tuy trải qua lịch sử lâu dài mà vẫn có khả năng đổi mới, đồng thời có đủ tiềm năng để đảm nhận những sứ mệnh quan trọng trong công cuộc tái kiến thiết văn hóa nhân loại tương lai.

Phật giáo có thể cung cấp trí tuệ để giúp nhân loại nắm vững phương hướng phát triển của văn minh, xác lập nền tảng an thân lập mệnh; thúc đẩy sự tích hợp và phát triển của khoa học; thúc đẩy sự giao lưu và hội nhập giữa văn minh Đông – Tây; góp phần xây dựng quan hệ hài hòa giữa các dân tộc, tôn giáo, chính trị, giữa con người và tự nhiên; thúc đẩy hòa bình thế giới, cân bằng sinh thái và sự chuyển đổi hợp lý của toàn thể nền văn minh nhân loại.

Phật giáo Đại thừa và văn hóa thế giới

Nhà sử học nổi tiếng Arnold J. Toynbee từng bày tỏ tại Nhật Bản niềm tin rằng trong thế kỷ XXI, thế giới sẽ ngày càng chú ý đến những đóng góp của văn hóa phương Đông và Trung Quốc; trong đó Phật giáo Đại thừa có khả năng giữ một vai trò quan trọng trong việc đáp ứng tinh thần khoa học và triết học của con người, hỗ trợ giải quyết những khủng hoảng của cả phương Tây lẫn phương Đông, đồng thời cung cấp nguồn lực tinh thần để nhận diện và khắc phục những xu hướng như tham dục đang đe dọa sự tồn tại của nhân loại.

Theo cách nhìn ấy, Phật giáo Đại thừa có thể góp phần thúc đẩy nhân loại tiến đến ý thức về một cộng đồng chung, cùng nhau đối diện và giải quyết những vấn đề của hiện tại cũng như tương lai.

Phật giáo Trung Quốc, với vị trí lịch sử đặc biệt trong thế giới Phật giáo Đại thừa, theo tác giả, cần chủ động gánh vác sứ mệnh ấy, phát khởi đại Bồ-đề tâm để đóng góp vào việc dẫn dắt văn hóa thế giới và trở thành một nguồn sinh lực

của nền văn minh mới.

Tác giả thậm chí cho rằng, nếu văn hóa Trung Quốc muốn có ảnh hưởng rộng lớn trên thế giới, thì trước tiên nên phát huy giá trị của Phật pháp Đại thừa, hơn là chỉ dựa vào Nho gia hay Đạo giáo.

Đại thừa và sự đào luyện tinh hoa dân tộc

Một sứ mệnh lớn khác của Phật giáo Đại thừa là đào luyện nhân tài tinh hoa cho dân tộc.

Bồ-đề tâm cùng các hạnh Bồ-tát như Lục độ và Tứ nhiếp có khả năng rèn luyện toàn diện trí lực, ý chí, định lực, sức nhẫn nại, khả năng tự chế, nghị lực, tính bao dung, sự thân thiện và tính linh hoạt của con người.

Theo tác giả, đây là một hệ thống giáo dục rất thích hợp để hình thành những con người có lý tưởng lớn, đạo đức cao thượng, tâm lượng rộng rãi và trí tuệ vượt trội.

Trong hàng nghìn năm lịch sử Đông Á, Phật giáo đã góp phần đào luyện rất nhiều nhân tài và bậc hiền đức.

Theo quan niệm Phật giáo, tính cách và năng lực của một con người là kết quả của quá trình huân tập và tu dưỡng lâu dài qua nhiều đời; những “*chủng tử*” ấy được lưu giữ trong A-lại-da thức, ảnh hưởng đến tố chất, phẩm chất và chiều hướng phát triển của đời người.

Cổ nhân có câu: “*Trong núi không có cao tăng, trong triều không có tể tướng.*”

Ý của câu này là phẩm chất tinh thần của một xã hội và trình độ của tầng lớp lãnh đạo có mối quan hệ mật thiết với nền tảng tu dưỡng và giáo dục tinh thần.

Sự tu hành theo Phật pháp có thể vun bồi những chủng tử thiện lành và cao thượng trong A-lại-da thức; những người có chí nguyện Bồ-tát có thể trở thành các bậc hiền tài, nhân vật ưu tú của xã hội và dân tộc.

Mà hiền tài và tinh hoa xã hội thường là những người có khả năng dẫn dắt cộng đồng và tạo ảnh hưởng rộng lớn.

Muốn chấn hưng dân tộc, then chốt nằm ở nhân tài; muốn đào luyện nhân tài thì cần có nền tảng tín ngưỡng và lý tưởng; theo quan điểm của tác giả, Phật pháp là một trong những nền tảng có giá trị sâu sắc nhất.

Trong Hộ pháp luận (護法論), Trương Thương Anh từng ví:

Nho gia chữa bệnh ngoài da, Đạo gia chữa bệnh huyết mạch, còn Phật giáo chữa bệnh đến tận cốt tủy; mỗi nhà đều có công dụng riêng, thiếu một cũng không được, nhưng Phật giáo đi sâu nhất.

Trên thực tế, Nho học đời Tống-Minh cũng như Tân Nho học đương đại đều chịu ảnh hưởng sâu sắc của Phật giáo. Nếu Nho học muốn tiếp tục phát triển, vẫn cần tham chiếu và đối thoại với Phật học.

Trong lời tựa Phật tính và Bát-nhã (佛性論), Mâu Tông Tam từng cho rằng: sự phát triển tương lai của triết học Nho gia phải đối diện với sự thách thức mới từ Phật học Đại thừa và triết học phương Tây; đồng thời sự phát triển sáng tạo của Phật học trong tương lai cũng cần dung nạp luân lý Nho gia trong phạm vi thể tục đế.

7. Phật giáo và Kitô giáo trong xã hội hiện đại

Kitô giáo trong thời đương đại phát triển nhanh hơn Phật giáo tại một số khu vực và có xu hướng mở rộng ảnh hưởng.

Theo cách phân tích của tác giả, khác với Phật giáo thời kỳ đầu vốn mang nhiều đặc điểm của một tôn giáo gắn với giới tinh hoa và tầng lớp trí thức, Kitô giáo ngay từ đầu đã có tính đại chúng rất rõ, phù hợp với nhu cầu nương tựa tinh thần của đại chúng.

Không ít giá trị tinh thần của Kitô giáo có những điểm tương thông với Phật pháp. Tuy nhiên, tác giả cho rằng Kitô giáo thiên nhiều về tín ngưỡng cảm tính, và một số cách giải thích giáo lý truyền thống từng gặp khó khăn khi đối diện với những thách thức của khoa học.

Nietzsche trong tác phẩm Kẻ chống Kitô (Der Antichrist) từng đánh giá Phật giáo cao hơn Kitô giáo ở phương diện quan sát vấn đề một cách khách quan và tỉnh táo, đồng thời cho rằng Phật giáo là kết quả của một truyền thống tư tưởng triết học đã phát triển lâu dài.

Ông cũng phân biệt Phật giáo với Kitô giáo ở chỗ Phật giáo, theo cách nhìn của ông, ít lệ thuộc hơn vào những phạm trù đạo đức nhị nguyên cứng nhắc về thiện và ác.

Việc Kitô giáo phát triển và thu hút nhiều tín đồ, theo tác giả, không nhất thiết hoàn toàn bất lợi cho Phật giáo. Ngược lại, nó có thể tạo sức kích thích để Phật giáo tự cải cách.

Thực tế, nhiều cuộc cải cách Phật giáo thời cận đại đã học hỏi một phần từ phương thức tổ chức, truyền giáo, giáo dục và hoạt động xã hội của Kitô giáo. Trong tương lai, Phật giáo vẫn có thể tiếp tục học hỏi những mặt tích cực ấy.

Đặc biệt, tăng, ni Phật giáo có thể học ở những giáo sĩ Kitô giáo nhiệt tâm tín ngưỡng và tinh thần phụng hiến.

Ngược lại, Phật giáo cũng có thể đóng góp cho Kitô giáo, nhất là trong lĩnh vực thiền định và tu dưỡng nội tâm.

Những nhân vật Phật giáo như Thái Hư và Ấn Thuận từng đưa ra nhiều nhận xét phê bình về Kitô giáo, qua đó có thể tạo điều kiện cho sự đối thoại và tự phản tỉnh giữa các truyền thống tôn giáo.

Tuy nhiên, thái độ bài xích lẫn nhau giữa các tôn giáo phần lớn bắt nguồn từ thiếu hiểu biết. Tác giả đặc biệt phê phán khuynh hướng độc tôn và bài tha có thể xuất hiện trong một số truyền thống nhất thần giáo, vì trong lịch sử, sự cực đoan tôn giáo đã nhiều lần góp phần gây nên xung đột và chiến tranh.

Trong bối cảnh hiện đại, những niềm tin tôn giáo nếu bị cực đoan hóa có thể bị lợi dụng cho bạo lực và khủng bố.

Bởi vậy, tinh thần viên dung, không tranh chấp và phản đối chủ nghĩa bài tha của Phật giáo có ý nghĩa đáng kể trong việc điều hòa các mâu thuẫn xã hội và thúc đẩy sự hài hòa giữa các quốc gia, dân tộc và tôn giáo.

8. Kết luận: xây dựng nền văn hóa Trung Quốc mới

Tóm lại, theo tác giả, cần lấy văn hóa truyền thống làm nền tảng, để nhiều hệ thống văn hóa cùng tranh biện, bổ sung và hỗ trợ lẫn nhau; đồng thời để Phật pháp phát huy vai trò của một nguồn trí tuệ có khả năng định hướng và khai mở.

Trên nền tảng ấy có thể xây dựng một hình thái văn hóa Trung Quốc mới, có khả năng đóng góp tích cực cho văn hóa toàn cầu.

Đây chính là một sứ mệnh lịch sử mà thời đại đặt lên vai người Trung Quốc. Với tư cách là người con Phật, mỗi Phật tử cần có những đóng góp thích đáng để cùng hoàn thành sứ mệnh ấy.

Pháp môn Phổ Hiền Hạnh Nguyện và lý tưởng đào tạo nhân tài Phật giáo

Xuất phát từ ý thức trách nhiệm xã hội nhằm chấn hưng Phật giáo và xây dựng một hình thái văn hóa Trung Quốc mới, tác giả trong nhiều năm đã suy tư và

ngiên cứu vấn đề tái thiết Phật giáo.

Kế thừa tư tưởng của Thái Hư Đại sư về việc tái thiết Phật học Trung Quốc, đồng thời nhằm khắc phục những hạn chế của Phật giáo truyền thống và một số tệ trạng của Phật giáo đương đại, tác giả đã biên soạn và kiến lập một hệ thống tu học gọi là “*Pháp môn Phổ Hiền Hạnh Nguyện*”.

Pháp môn này đặt nền tảng trên tư tưởng Viên giáo, Đốn giáo của Phật giáo Hán truyền, đặc biệt là hệ thống triết học viên mãn của Hoa Nghiêm tông; đồng thời tiếp thu tinh hoa của Phật học Tây Tạng và Phật giáo Nam truyền.

Nền tảng tông chỉ của pháp môn lấy Kinh Hoa Nghiêm bản bốn mươi quyển, đặc biệt là phẩm cuối Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, làm căn bản để biên soạn thành một hệ thống giáo trình nhằm đào tạo nhân tài Phật giáo trình độ cao.

Theo tác giả, đây là một pháp môn Nhất thừa Viên đốn, dung thông Hiển – Mật, vừa có tinh thần mạnh mẽ, tích cực nhập thế, có khả năng trở thành chỗ dựa tinh thần cho tầng lớp tinh hoa xã hội, vừa có thể đáp ứng nhu cầu tôn giáo về giải thoát sinh tử ngay trong đời hiện tại.

Pháp môn ấy được xây dựng trên nền tảng giáo lý vừa cô đọng vừa sâu sắc, đồng thời lấy Bồ-tát hạnh hướng đến sự phát triển toàn diện của đời sống con người làm căn bản thực tiễn.

Tác giả kỳ vọng thông qua hệ thống này có thể nhanh chóng đào luyện một thế hệ tinh hoa Phật giáo và tinh hoa dân tộc, qua đó góp phần thực hiện lý tưởng xây dựng một nền văn hóa có sức ảnh hưởng hàng đầu thế giới.

Tác giả: **Giáo sư** □ □ /Chuyển ngữ: **Thích Vân Phong**

Nguồn: □□□□ - www.dharma-academy.org